

thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 4.468.905
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: 291.300

b) Cơ cấu cổ đông: (Theo số liệu đến ngày chốt đăng ký cuối cùng 18/03/2013)

*Cổ đông góp vốn trong nước*

- Tổng số cổ đông : 469. Trong đó : cá nhân : 453 ; tổ chức: 16
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ	Ghi chú
2	Ông Tạ Văn Trung	776.562	17,38%	UV.HĐQT
3	Ông Tạ Trung Hậu	327.225	7,32%	UV.HĐQT

*Cổ đông nước ngoài*

Tổng số cổ đông : 12. Trong đó: cá nhân: 12; tổ chức : 0

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn: Không có cổ đông lớn.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2012 không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 291.300
- Các giao dịch mua thực hiện trong năm 2012:

STT	Thời điểm GD mua	Giá GD	Đối tượng	Ghi chú
1	7/3/2012	9.100	SJC	
2	7/3/2012	9.000	SJC	
3	4/4/2012	8.900	SJC	
4	5/4/2012	8.800	SJC	
5	16/4/2012	9.900	SJC	
6	26/4/2012	9.400	SJC	
7	26/4/2012	9.600	SJC	
8	26/4/2012	9.500	SJC	
9	30/5/2012	9.700	SJC	
10	8/6/2012	9.200	SJC	
11	12/6/2012	9.000	SJC	
12	13/6/2012	9.000	SJC	
13	13/6/2012	9.100	SJC	
14	13/6/2012	8.900	SJC	
15	14/6/2012	9.000	SJC	
16	14/6/2012	9.100	SJC	
17	12/10/2012	7.500	SJC	
18	15/10/2012	7.300	SJC	
19	16/10/2012	7.400	SJC	
20	17/10/2012	7.500	SJC	
21	19/10/2012	7.300	SJC	
22	23/10/2012	7.800	SJC	
23	24/10/2012	7.900	SJC	
24	30/10/2012	7.300	SJC	
25	5/11/2012	7.300	SJC	
26	6/11/2012	7.100	SJC	
27	8/11/2012	7.300	SJC	

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
  - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đ.vị	Năm 2012			Kế hoạch năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện	% HT	
I	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	112.382	40.606	36%	5.505
II	Thu nhập BQ tháng	10 <sup>6</sup> đ	4,0	4,0	100%	4,0
III	Tổng doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	115.391	179.449	156%	31.365
IV	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	92.313	133.039	144%	25.092
V	Lợi nhuận trước thuế sau phân chia liên doanh	10 <sup>6</sup> đ	6.585	9.109	138%	1.255
VI	Tỷ lệ chia cổ tức	10 <sup>6</sup> đ	10	15	150%	10
VII	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	5.400	5.248	97%	1.807
VIII	Khấu hao TSCĐ	%	2.200	1.973	90%	2.000

- Đánh giá: Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thị trường bất động sản bị đóng băng gần như không có giao dịch. Công ty cổ phần Sông Đà 1.01 cũng chịu ảnh hưởng từ tình hình chung đó. Trong năm 2012, Công ty đã tập trung hoàn tất các thủ tục pháp lý của các dự án đã bàn giao, thực hiện bàn giao căn hộ chung cư cho các khách hàng tại tòa nhà Hemisco – Hà Đông; điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án mới cho phù hợp với tình hình thực tế. Do những nguyên nhân và điều chỉnh kế hoạch trên nên tổng giá trị sản xuất kinh doanh tỷ lệ hoàn thành 36% không đạt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên và doanh thu đạt 156%. Đối với các cổ đông góp vốn, Công ty có chính sách đảm bảo tối đa nhất quyền lợi của các cổ đông đã tin tưởng góp vốn, do vậy dù gặp nhiều khó khăn nhưng tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 ở mức 15%/năm đạt 150% so với kế hoạch.

- Kế hoạch phát triển trong năm 2013: Do những diễn biến không thuận lợi của nền kinh tế cả nước nói chung và lĩnh vực kinh doanh bất động sản nói riêng, Công ty có kế hoạch triển khai xây dựng căn hộ tầng 29, 30 tòa nhà Hemisco và kinh doanh bất động sản. Bên cạnh đó hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án Tòa nhà hỗn hợp đa năng và chung cư cao cấp Vinafor Vạn Phúc - Hà Đông; Tòa nhà hỗn hợp thương mại văn phòng, công cộng và nhà ở cao tầng số 1 Giáp Nhị - Hà Nội.

## 2. *Tình hình tài chính*

### a) *Tình hình tài sản*

Tổng giá trị tài sản năm 2012 giảm so với năm 2011 là 34,71% do tiền và các khoản tương đương tiền năm 2012 giảm so với năm 2011 do đơn vị dùng để thanh toán các khoản vay đến hạn của ngân hàng, phải trả khách hàng, nộp ngân sách nhà nước... Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2012 tăng so với năm 2011 là do còn một số căn hộ thuộc các dự án của Công ty đã bán nhưng khách hàng chưa thanh toán và đã làm cam kết đến 30/06/2013 sẽ thanh toán đầy đủ với Công ty. Các khoản công nợ trả trước cho khách hàng giảm là do trong kỳ đơn vị đã thực hiện thanh quyết toán hợp đồng với các khách hàng. Một số khoản phải thu đã đến hạn nhưng đơn vị chưa thu được và đã thực hiện trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Hàng tồn kho giảm là do trong kỳ đơn vị đã xác định giá vốn của chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Tài sản giảm là do trong kỳ đơn vị thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định và trích phân bổ chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán.

- Tất cả các khoản thu nhập phát sinh đến ngày kết thúc năm tài chính đều được phản ánh trên Báo cáo tài chính phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các nghiệp vụ bằng tiền mặt được phản ánh ở Báo cáo tài chính và Bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả các tài khoản ngân hàng và các khoản ký quỹ bằng tiền khác thuộc về Công ty.

- Không có các thỏa thuận bồi thường chính thức hoặc không chính thức nào có liên quan đến các tài khoản tiền và các khoản đầu tư của công ty. Ngoại trừ những công bố trong Báo cáo tài chính, công ty hiện không có các dàn xếp về tín dụng nào khác.

- Chi phí hoãn lại và các khoản chi phí trả trước trên Bảng cân đối kế được treo lại cho phù hợp với thu nhập mà dự kiến chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

- Công ty có quyền hợp pháp với tất cả các tài sản, các tài sản đã bán hoặc thuộc về bên thứ ba đã được phản ánh phù hợp trên Báo cáo tài chính. Tài sản đã được ghi giảm để dự phòng cho mọi hư hỏng. Không tồn tại bất kỳ ký kết nào với bên thứ ba để lấy lại các tài sản đã được bán.

b) Tình hình nợ phải trả

- Nợ ngắn hạn năm 2012 giảm so với năm 2011 (Hệ số nợ ngắn hạn năm 2012 là: 2,03 và năm 2011 là: 2,57 là do trong năm tài chính đơn vị đã tất toán một số khoản nợ ngắn hạn với ngân hàng; các khoản công nợ người mua trả tiền trước cũng được quyết toán, các khoản thuế đến kỳ nộp đơn vị đã nộp hết và không nợ đọng tiền thuế theo quy định về pháp luật thuế hiện hành....

- Công ty đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả, cả các khoản nợ thực tế và các khoản nợ tiềm tàng, và được trình bày ở thuyết minh tất cả các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.

- Dự phòng đã được bao gồm đầy đủ trong Báo cáo tài chính đối với tất cả các thiệt hại trọng yếu dự kiến phát sinh từ các vụ kiện, quyền lợi của bên thứ ba và các hợp đồng chưa được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán. Không có quyền lợi nào khác liên quan đến các vụ kiện đã xảy ra hoặc được hoặc đã biết trước. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*

Đơn vị đã thực hiện ghi nhận doanh thu tuân thủ theo chuẩn mực số 14 : Doanh thu và thu nhập khác và đảm bảo thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

*(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;*

*(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;*

*(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*

*(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;*

*(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*

Như vậy toàn bộ doanh thu của hoạt động bất động sản của đơn vị tính đến thời điểm 30/06/2012 đã được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực số 14 và ghi nhận trên phần doanh thu chưa thực hiện (TK3387). Đến kỳ lập báo cáo tài chính để ghi nhận doanh thu trên báo cáo kết quả kinh doanh đơn vị chúng tôi đã thực hiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực số 15, bởi vì:

Trong quá trình thi công, các công trình này được thi công qua nhiều năm đơn vị bắt buộc phải ghi nhận doanh thu theo tiến độ công việc thực hiện để đảm bảo với chi phí thực tế phát

sinh tương ứng (tránh tình trạng có ghi nhận doanh thu mà chưa có thực tế phát sinh gây ra hậu quả lãi giả). Quá trình ghi nhận doanh thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng đã đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại phần a mục 30 của chuẩn mực số 15: Hợp đồng xây dựng ban hành theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Nội dung như sau: *Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau. Doanh nghiệp cần sử dụng phương pháp tính toán thích hợp để xác định phần công việc đã hoàn thành. Tùy thuộc vào bản chất của hợp đồng xây dựng, doanh nghiệp lựa chọn áp dụng một trong ba (3) phương pháp sau để xác định phần công việc hoàn thành:*

(a) Tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng;

Như vậy, với phần giải trình ở trên, đơn vị chúng tôi đã thực hiện ghi nhận doanh thu qua các kỳ đảm bảo tính thống nhất với cả hai chuẩn mực số 14 và chuẩn mực số 15

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Năm 2012 là năm rất khó khăn của nền kinh tế, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng và đầu tư bất động sản. Công ty CP Sông Đà 1.01 trong thời gian vừa qua không triển khai thực hiện các Dự án mới nhằm tránh rủi ro không bán được hàng do thị trường bất động sản đóng băng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty đã nỗ lực phấn đấu, tìm mọi biện pháp trước mắt nhằm ổn định hoạt động của Công ty ở một số lĩnh vực, cơ cấu lại các khoản nợ đã đến hạn phải trả, tiết kiệm tối đa các khoản chi. Động viên toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty từng bước vượt qua khó khăn thử thách để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị đã rà soát lại các dự án đầu tư, tạm thời sắp xếp lại những dự án dài hạn như Dự án Vinafor Đại Từ - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội; tập trung chuẩn bị nguồn lực cho các dự án đã hoàn thành thủ tục pháp lý: dự án Tòa nhà hỗn hợp đa năng và chung cư cao cấp Vinafor Vạn Phúc - Hà Đông; Tòa nhà hỗn hợp thương mại văn phòng, công cộng và nhà ở cao tầng số 1 Giáp Nhị - Hà Nội, chờ khi thị trường có xu hướng ổn định sẽ đẩy mạnh đầu tư.

#### **V. Quản trị công ty.**

##### *1. Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ	Chức danh thành viên HĐQT tại Cty khác	Ghi chú
1	Ông Tạ Văn Trung	776.562	17,38%	không	
2	Ông Phan Nguyên Hồng	38.469	0,86%	không	
3	Ông Bùi Đức Quang	8.325	0,19%	không	
4	Ông Tạ Trung Hậu	327.225	7,32%	không	
5	Ông Bùi Công Hoàn	0	0%	không	TV độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01 CTCP/NQ-HĐQT	18/01/2012	Phê duyệt thực hiện SXKD quý IV và cả năm 2011, kế hoạch SXKD Quý I và cả năm 2012.
2	02 CTCP/NQ-HĐQT	11/4/2012	Phê duyệt báo cáo thực hiện SXKD Quý 1 và kế hoạch SXKD quý 2 năm 2012; thông qua nội dung chính hợp ĐHĐCĐ
3	03 CTCP/NQ-HĐQT	26/7/2012	Phê duyệt báo cáo thực hiện SXKD Quý 2, 6 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD quý 3, 6 tháng cuối năm 2012

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ	Sở hữu các chứng khoán khác	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Toán	0	0%	không	
2	Ông Vũ Hoàng Tùng	1500	0,03%	không	
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thu	0	0%	không	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2012 vừa qua, Ban kiểm soát Công ty tiến hành 02 cuộc họp với đầy đủ số lượng thành viên dự họp nhằm kiểm điểm hoạt động của BKS. Ban kiểm soát cũng tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong các kỳ báo cáo, Ban kiểm soát đã kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty; Thảo luận những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề với Công ty kiểm toán, thống nhất với kiểm

toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán giữa năm và cuối năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

(Đơn vị tính : đồng)

T T	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền lương năm 2012	Thù lao	
				Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao năm 2012
<b>A</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Tạ Văn Trung	CT			58.000.000
2	Bùi Đức Quang	UV			46.000.000
3	Phan Nguyên Hồng	UV			46.000.000
4	Tạ Trung Hậu	UV			46.000.000
5	Bùi Công Hoàn	UV			45.000.000
<b>B</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Văn Toán	TB			45.000.000
2	Vũ Hoàng Tùng	UV			31.000.000
3	Nguyễn Thị Thanh Thu	UV			31.000.000
<b>C</b>	<b>Ban Giám đốc</b>				
1	Tạ Văn Trung	GĐ	143.366.720		
2	Bùi Đức Quang	PGĐ	93.671.171		
3	Phạm Thanh Mai	PGĐ	96.035.578		
4	Phan Nguyên Hồng	PGĐ	93.671.171		
5	Phạm Xuân Niệm	PGĐ	93.671.171		
	<b>Tổng cộng</b>				

## I. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150) <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>100</b>		<b>210,797,725,857</b>	<b>340,792,685,202</b>
<b>I</b>	<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>15,288,117,311</b>	<b>74,604,566,835</b>
1	Tiền	111		2,755,117,311	2,154,566,835
2	Các khoản tương đương tiền	112		12,533,000,000	72,450,000,000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>126,146,868,872</b>	<b>115,174,256,209</b>
1	Phải thu của khách hàng	131		58,325,190,399	28,695,572,676
2	Trả trước cho người bán	132		59,770,244,782	78,572,445,212
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	10,138,518,895	9,722,090,989
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2,087,085,204)	(1,815,852,668)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>62,298,535,268</b>	<b>141,450,239,200</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	62,298,535,268	141,450,239,200
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7,064,204,406</b>	<b>9,563,622,958</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4.	20,898,978	123,659,593
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,611,118,856	6,577,320,036
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		2,432,186,572	2,862,643,329
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37,927,326,381</b>	<b>40,167,574,310</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35,697,394,370</b>	<b>36,745,552,645</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	15,832,804,034	18,122,398,479
-	- Nguyên giá	222		22,609,128,653	22,425,074,107
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,776,324,619)	(4,302,675,628)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	32,500,007	42,500,003
-	- Nguyên giá	228		50,000,000	50,000,000
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17,499,993)	(7,499,997)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	19,832,090,329	18,580,654,163
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,540,000,000</b>	<b>1,540,000,000</b>
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.	1,540,000,000	1,540,000,000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>689,932,011</b>	<b>1,882,021,665</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	689,932,011	1,882,021,665



<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>270</b>	<b>248,725,052,238</b>	<b>380,960,259,512</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	
			<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>147,793,009,427</b>	<b>275,870,819,069</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>81,874,272,477</b>	<b>167,607,785,882</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10. 14,969,949,446	112,271,630,162
2	Phải trả người bán	312	22,260,723,058	16,450,304,441
3	Người mua trả tiền trước	313	1,299,230,216	2,432,870,226
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11. 153,979,714	2,422,418,122
5	Phải trả người lao động	315	751,971,673	1,219,416,706
6	Chi phí phải trả	316	V.12. 268,142,274	1,763,901,295
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13. 38,745,456,680	28,594,817,452
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3,424,819,416	2,452,427,478
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>65,918,736,950</b>	<b>108,263,033,187</b>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14. 12,387,874,034	751,790,700
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.15. 53,530,862,916	107,511,242,487
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>100,932,042,810</b>	<b>105,089,440,443</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16. 100,932,042,810</b>	<b>105,089,440,443</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	44,689,050,000	44,689,050,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	28,338,026,354	28,363,026,354
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414	(2,504,436,106)	(1,216,349,504)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	18,116,290,967	12,667,264,305
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	5,543,004,513	3,891,113,575
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6,750,107,082	16,695,335,713
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>440</b>	<b>248,725,052,238</b>	<b>380,960,259,512</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.17.</b>	<b>177,082,357,404</b>	<b>174,571,030,875</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>177,082,357,404</b>	<b>174,571,030,875</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	161,549,823,376	149,688,873,507
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>15,532,534,028</b>	<b>24,882,157,368</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	2,366,694,539	8,886,426,201
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	365,189,723	2,337,588,116
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>365,100,938</i>	<i>2,337,588,116</i>
8 Chi phí bán hàng	24		161,481,000	27,972,727
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,537,375,884	10,035,418,786
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>11,835,181,960</b>	<b>21,367,603,940</b>
11 Thu nhập khác	31		186	-
12 Chi phí khác	32		449,817,660	196,568
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(449,817,474)</b>	<b>(196,568)</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11,385,364,486</b>	<b>21,367,407,372</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21.	2,812,243,233	4,848,497,994
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>8,573,121,253</b>	<b>16,518,909,378</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>- Lợi nhuận của các bên góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>			<i>2,400,654,810</i>	<i>3,084,991,724</i>
<i>- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty CP Sông Đà 1.01</i>			<i>6,172,466,443</i>	<i>13,433,917,654</i>
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.23.</b>	<b>1,395</b>	<b>3,207</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	129,832,438,375	129,608,475,179
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60,203,483,929)	(169,720,462,829)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14,087,433,828)	(18,509,245,810)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1,331,418,494)	(770,652,647)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5,126,564,313)	1,241,517,607
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14,584,441,795	9,662,424,195
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(33,358,023,956)	(53,777,660,171)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>30,309,955,650</b>	<b>(102,265,604,476)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(184,054,546)	(65,414,437)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(93,621,900,000)	(452,143,669,297)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	93,621,900,000	438,624,344,160
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,366,694,539	7,930,219,671
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2,182,639,993</b>	<b>(5,654,519,903)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	14,689,050,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1,216,349,504)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	37,841,269,056	183,527,327,215
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123,506,866,438)	(128,887,141,302)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,143,359,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(91,808,956,382)</b>	<b>68,112,886,409</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(59,316,360,739)</b>	<b>(39,807,237,970)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>74,604,566,835</b>	<b>114,411,804,805</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(88,785)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>15,288,117,311</b>	<b>74,604,566,835</b>